

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2017/HSST.
Ngày 29 tháng 12 năm 2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thái, bà Nguyễn Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Đặng Phú T, sinh năm: 1987 tại thành phố V, tỉnh P. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10A, khu 6, phường G, thành phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng phái, chính trị: không; con ông Đặng Tiến Đ và bà Phạm Thị N (đều đã chết); chưa có vợ con.

- Tiền án:

+ Ngày 16/8/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

+ Ngày 18/4/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 - Bộ luật hình sự và 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 139 - Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc Đặng Phú T phải chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù giam.

+ Ngày 17/7/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc Đặng Phú T phải chấp hành hình phạt chung là 30 tháng tù giam.

+ Ngày 27/12/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Việt T, tỉnh P xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và 33 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc T phải chấp hành hình phạt chung là 63 tháng tù giam.

- Tiền sự:

+ Ngày 19/10/2016 Đặng Phú T bị Công an phường G, thành phố V, tỉnh P xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 23/10/2016 Đặng Phú T bị Công an phường G, thành phố V, tỉnh P xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến nay có mặt.

Những người bị hại:

1/ Lữ Văn Th1, sinh năm 1987. Trú tại: Bản P, xã L, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xử vắng mặt.

2/ Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1996. Trú tại: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh P, vắng mặt.

3/ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958. Trú tại: Tổ 12 khu 1, phường D, thành phố V, tỉnh P, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Đào Văn Ph, sinh năm 1979, Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh H. Tạm trú: Khu 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh H, vắng mặt.

2/ Phùng Văn Đ, sinh năm 1979, trú tại Khu K Biên phòng, phường S, thị xã S, thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Trần Thị N, sinh năm 1983, trú tại: Khu 6, xã Chấn Hưng, huyện Phúc Thọ, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

4/ Nguyễn Văn P, sinh năm 1988, trú tại Tổ 15 phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/6/2017 đến ngày 01/8/2017, Đặng Phú T, sinh năm 1987, trú tại: Tổ 10 A, khu 6, phường G, thành phố V, tỉnh P đã chiếm đoạt xe máy tại địa bàn huyện L, tỉnh Phú Thọ; địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La và địa bàn huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 20 tháng 6 năm 2017, Đặng Phú T đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào quán Internet chơi game. Tại quán Thịnh gặp Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1996 trú tại Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ là người chơi game cùng. Đến 01 giờ 30 phút 22 tháng 6 năm 2017, T nhờ S chở T về thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để lấy tiền, T sẽ trả công cho S 1.000.000đ. S đồng ý lấy xe máy nhãn hiệu YAMAHA - Exciter 150 biển kiểm soát 19C1 - 239.95 của S chở T đến khu Trung tâm tin học tỉnh Phú Thọ thuộc phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, T chỉ tay vào một ngôi nhà xây 04 tầng và nói với S đó là nhà bác của T nhưng cửa ngoài đã khóa chắc không có ai ở nhà nên không lấy được tiền. Đến 06 giờ cùng ngày T bảo S quay về huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ gặp bạn T để lấy tiền trả công cho S, S đồng ý chở T đến thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ vào quán ăn sáng. Tại đây T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của S nên nói dối với S cho T mượn xe máy để T đi lấy tiền trả tiền công cho S, S đồng ý. Sau khi mượn được xe máy T tìm nơi tiêu thụ. Do trời mưa nên T vào quán của Trần Thị N trú tại Khu 6, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc uống bia. Uống bia xong, T bảo với N trời đang mưa T không đi xe máy về được và không có tiền nên muốn vay tiền của N để đi taxi về nhà. T sẽ để lại chiếc xe máy YAMAHA - Exciter 150, biển kiểm soát 19C1 - 239.95 cho N, hôm sau T sẽ mang tiền đến trả cho N và lấy xe máy về. N đồng ý đưa cho T 2.500.000đ, số tiền có được T tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 10/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ thu giữ của Trần Thị N:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA - Exciter 150, màu sơn trắng - đen - đỏ; biển kiểm soát 19C1 - 239.95; 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Ngọc S; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự mô tô xe máy biển kiểm soát 19C1 - 239.95; 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM do ngân hàng Agribank phát hành đều mang tên Nguyễn Ngọc S.

Vụ thứ hai: Ngày 09 tháng 7 năm 2017, Đặng Phú T đi xe khách từ Hà Nội lên huyện Yên Châu, Sơn La mục đích đến nhà người quen chơi. Khoảng 10 giờ cùng ngày T đến ngã ba Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu vào quán ở gần đó uống nước. Tại đây, T gặp Nguyễn Đình L trú tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. T tự giới thiệu với L tên là Tuấn nhà ở Hà Nội lên thăm bạn, nhưng chưa thấy bạn đến đón. L rủ T lên nhà người quen của L là Lữ Minh H và Lữ Thị Th chơi, T đồng ý. Ngày hôm sau T cùng Th xuống nhà Lữ Văn Th1 (là em trai ruột của Th). Tại đây T rủ Th và Th1 xuống Hà Nội, nếu xuống thì T sẽ tìm việc làm cho Th và Th1. Th và Th1 đồng ý. Lúc đó T kiểm tra trên người không thấy chứng minh nhân dân của T, nghĩ là để quên ở nhà Lữ Minh H nên T nhờ Th1 đưa đến nhà H để tìm

giấy tờ, Th1 đồng ý rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA – Wave alpha biển kiểm soát 26N1 - 000.13 của Th1 chở T đến tiểu khu 2, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu uống nước. Trong lúc ngồi uống nước T hỏi mượn điện thoại của Th1 gọi cho bạn để tìm lại giấy tờ, Th1 đồng ý rồi đưa điện thoại cho T mượn. T lấy điện thoại của Th1 gọi cho H nhưng không liên lạc được. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của Th1. T nói với Th1 là mượn xe máy của Th1 đến nhà bạn tại tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu để lấy giấy tờ, Th1 đồng ý. Có được xe máy, T điều khiển xe về Hà Nội để tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi T mở cốp xe thấy bên trong có số tiền 1.000.000đ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy, 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 sổ hộ khẩu mang tên Lữ Văn Th1 chủ hộ, 02 giấy phép lái xe hạng, 02 chứng minh nhân dân. T lấy 1.000.000đ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy còn lại T ném xuống rãnh nước dọc đường Quốc lộ 6 (T không nhớ vị trí ở đâu). Đến khoảng 07 giờ ngày 12 tháng 7 năm 2017, T đến thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình bán chiếc xe máy của Lữ Văn Th1 cho Đào Văn Ph, sinh năm 1979 được số tiền 6.000.000đ. Số tiền bán xe và 1.000.000đ T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 19/8/2017 Đào Văn Ph giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu, Sơn La gồm:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA - Wave α , màu sơn xanh - đen - bạc; số máy 3359821; 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số: 000009, biển đăng ký 26N1 - 000.13, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô đều mang tên Lữ Văn Th1.

Vụ thứ ba: Ngày 01 tháng 8 năm 2017, Đặng Phú T một mình đi bộ từ xã Cao Phong, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc để về nhà, do không có xe nên T nhờ người gọi xe ôm, một lúc sau có Nguyễn Thị Th sinh năm 1958 trú tại tổ 12, khu 1, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA - Airblade, biển kiểm soát 19B1 - 204.78 đến, T bảo Th chở đến chỗ anh trai T ở cảng Bãi Bằng, huyện P, tỉnh Phú Thọ, Th đồng ý. Khi đến cảng Bãi Bằng, T tiếp tục bảo Th đưa lên công viên Vĩnh Hằng thuộc huyện P, tỉnh Phú Thọ tìm anh trai. Đến khu vực cách huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khoảng 25km, T hỏi mượn điện thoại của Th giả vờ gọi cho anh trai và nói với Th anh trai T đang ở xã Cao Phong, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc bảo Th chở T quay lại, Th đồng ý. Khi đến phường D, thành phố Việt Trì, T vào quán điện thoại của Nguyễn Minh C thuộc tổ 21, khu 3, đường T, phường D, thành phố Việt Trì hỏi mua chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple - Iphone 5s, 01 sim điện thoại và 01 thẻ nạp tiền điện thoại mệnh giá 50.000đ, tổng số tiền là 2.840.000đ, thấy Th và C có quen biết với nhau T muốn chiếm đoạt chiếc điện thoại trên nên T bảo Th đứng ra chịu nợ giúp T số tiền trên, khi nào gặp được anh trai, T sẽ lấy tiền trả cho Th, Th đồng ý. Sau khi mua điện thoại xong, Th tiếp tục điều khiển xe máy chở T khi đến thôn Phan Lãng, xã Cao Phong, huyện S, T và Th vào quán ăn cơm tại đây T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của Th, T lấy lý do đi đón anh trai đến ăn cơm cùng và hỏi mượn xe máy của bà Th, Th đồng ý. Mượn được xe máy, T điều khiển xe máy

tìm nơi tiêu thụ. Khi đến cầu Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, T mở cốp xe kiểm tra bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 19B1 - 204.78 cùng 02 giấy phép lái xe, T rút 02 giấy phép lái xe xuống Sông Hồng rồi điều khiển xe máy đến thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, T vào một quán mua bán điện thoại (T không nhớ tên quán, và địa chỉ cụ thể) bán chiếc điện thoại Iphone 5s được số tiền 1.800.000đ. Sau đó điều khiển xe máy đến quán sửa chữa xe máy của Phùng Văn Đ, sinh năm 1979 trú tại: thôn Tân Phú, xã S, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Thịnh hỏi bán chiếc xe máy chiếm đoạt của Th cho Đ. Đ kiểm tra thấy xe có giấy chứng nhận đăng ký, nguồn gốc xe rõ ràng, không biết đó là xe máy do T phạm tội mà có nên đồng ý làm hợp đồng mua và trả cho T 15.000.000đ.

Sau khi Đ mua lại chiếc xe máy trên của T, Đ đã sửa chữa lại rồi bán lại cho Đỗ Văn Th2, sinh năm 1971 ở cụm 2, xã Phụng Thượng, huyện P, thành phố Hà Nội. Th2 kiểm tra xe máy có nguồn gốc xe rõ ràng, không biết là xe người khác phạm tội mà có nên anh Th2 đã mua chiếc xe máy trên của Đ với số tiền 24.000.000đ. Sau khi mua xe máy Th2 tháo biển số xe rồi gửi biển và giấy chứng nhận đăng ký xe cho Ngô Tuấn H (là người quen của Th2) để nhờ H rút hồ sơ gốc làm thủ tục sang tên đổi chủ sở hữu.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 Đặng Phú T đi xe taxi của anh Nguyễn Văn P trú tại tổ 15 phường P, thành phố Hòa Bình lên huyện Yên Châu tìm đối tượng lừa đảo, trên đường đi T vay của P 1.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Khi đến huyện Yên Châu thì bị Công an huyện Yên Châu bắt giữ thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA và 150.000 đồng của Đặng Phú T.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh P thu giữ tại nhà Th2 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – Airblade không biển kiểm soát. Đến ngày 21 tháng 9 năm 2017 thu giữ tại nhà H 01 biển xe máy số: 19B1 - 204.78; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 27/ĐGTSTT ngày 29/6/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lâm Thao kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát: 19C1 – 239995 của Nguyễn Ngọc S, xe cũ đã qua sử dụng có giá: 47.000.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 71/HĐĐG ngày 18/8/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Châu kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA loại Wave alpha, màu sơn xanh – đen – bạc, BKS: 26N1 – 000.13, đăng ký lần đầu ngày 13/6/2013 của Lữ Văn Th1, xe đã qua sử dụng có giá: 11.900.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 83/HĐĐG ngày 01/11/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Châu kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 5S đã qua sử dụng có giá trị 2.700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/KLĐG ngày 25/9/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sông Lô kết luận: 01 xe mô tô, biển kiểm

soát: 19B1 – 204.78, nhãn hiệu HONDA – ARIBLADE, màu sơn đen – bạc, của Nguyễn Thị Th có giá: 20.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 74/KSĐT-KT ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, truy tố Đặng Phú T về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm c, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bị cáo Đặng Phú T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt Đặng Phú T từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ thể:

Lữ Văn Th1: 4.300.000 đồng.

Nguyễn Thị Th: 2.840.000đ (hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

Đào Văn Ph: 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Nguyễn Văn P: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Phùng Văn Đ: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA và số tiền 150.000 đồng của Đặng Phú T.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Công an huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Người bị hại Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa; bị hại Lữ Văn Th1 có đơn xin xét xử vắng mặt; người liên quan Trần Thị N, Nguyễn Văn P, Đào Văn Ph vắng mặt, Phùng Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án bởi lẽ trong hồ sơ thể hiện lời khai và đơn của các bị hại yêu cầu bị cáo Thịnh bồi thường tài sản bị chiếm đoạt, căn cứ khoản 1 Điều 191 của Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau là chứng cứ chứng minh cho việc phạm tội của bị cáo, phù hợp với: Biên bản định giá tài sản; lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan; vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 22/6/2017 đến ngày 01/8/2017 Đặng Phú T bằng thủ đoạn gian dối tạo sự tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Ngọc S 01 xe mô tô giá trị 47.000.000 đồng; của Lữ Văn Th1 01 xe mô tô giá trị 11.900.000 đồng và 1.000.000đ trong cốp xe máy; của Nguyễn Thị Th 01 xe mô tô giá trị 20.000.000 đồng cùng 01 điện thoại + 01 sim điện thoại + thẻ sim giá trị 2.840.000 đồng với mục đích chi tiêu, sử dụng cho bản thân. Tổng giá trị tài sản Đặng Phú T đã chiếm đoạt là 82.740.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo Điều 139 Bộ luật hình sự.

Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo đã bị kết tội bằng 04 bản án, trong đó bản số 297/2011/HSST ngày 27/12/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 63 tháng tù về các tội Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã áp dụng tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” đến lần phạm tội này chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm c “Tái phạm nguy hiểm”; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 82.740.000 đồng vi phạm điểm e “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*” đều thuộc khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm c, e khoản 2 Điều 139 là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo tuổi đời còn trẻ không chịu tu dưỡng làm ăn mà dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại. Xét về nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội chiếm đoạt tài sản và xử phạt vi phạm hành chính đến nay chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho mình, lại tiếp tục phạm tội lần phạm tội này xác định là tình tiết định khung nên không coi là tình tiết tăng nặng, nhưng cần xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe phòng ngừa

tội phạm chung và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục ý thức pháp luật.

Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh có căn cứ xác định bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA và số tiền 150.000 đồng của Đặng Phú T, xét không liên quan đến vụ án, xong cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Cơ quan điều tra đã lại tài sản và giấy tờ cho:

Lữ Văn Th1: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA - Wave α ; 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô đều mang tên Lữ Văn Th1.

Nguyễn Thị Th: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – Airblade; 01 biển xe máy số: 19B1 - 204.78; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô.

Nguyễn Ngọc S: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA - Exciter 150, biển kiểm soát 19C1 - 239.95; 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Ngọc S; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự mô tô xe máy biển kiểm soát 19C1 - 239.95; 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM do ngân hàng Agribank phát hành đều mang tên Nguyễn Ngọc S.

Xét tài sản và những giấy tờ trên thuộc sở hữu hợp pháp của các bị hại, việc cơ quan điều tra trả lại là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra những người bị hại và người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải bồi thường cụ thể:

Nguyễn Thị Th số tiền 2.840.000 đồng (là tiền chị Th bỏ ra mua chiếc điện thoại + sim điện thoại + thẻ cào nạp điện thoại sau đó bị T chiếm đoạt).

Lữ Văn Th1: 1.000.000 đồng tiền T chiếm đoạt; 1.300.000 đồng chi phí làm giấy tờ không thu hồi được của T và 5.000.000 đồng tiền chi phí tìm xe máy.

Đào Văn Ph số tiền 6.000.000 đồng (tiền anh Ph trả cho T khi mua xe máy).

Nguyễn Văn P số tiền 1.000.000 đồng (tiền T vay của P)

Phùng Văn Đ số tiền 15.000.000 đồng (tiền anh Đ trả cho T khi mua xe máy).

Xét yêu cầu của chị Th, anh P, Ph là chi phí thực tế có căn cứ chấp nhận. Riêng yêu cầu của anh Th1 có căn cứ chấp nhận một phần, cụ thể: 1.000.000 đồng tiền Thịnh chiếm đoạt; 1.300.000đ chi phí làm giấy tờ và 2.000.000 đồng chi phí tìm xe máy.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng T vay của Trần Thị N, đã được Nguyễn Ngọc S trả cho N. Nay Nguyễn Ngọc S không yêu cầu bị cáo T phải trả số tiền do S đưa cho N.

Đối với một số giấy tờ của chị Th không thu hồi được, chị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Xét thỏa thuận trên là hoàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với Đào Văn Ph, Phùng Văn Đ là người mua xe máy của Đặng Phú T và Đỗ Văn Th2 là người mua lại xe máy của Phùng Văn Đ. Ph, Đ và Th2 không biết chiếc xe máy đó là do T phạm tội mà có. Do đó hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với Trần Thị N cho Đặng Phú T gửi lại chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA – Exciter, biển kiểm soát 19C1 – 239.95, N hoàn toàn không biết chiếc xe máy trên là do T phạm tội mà có. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đặng Phú T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1/ Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Phú T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2/ Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: Số tiền 150.000 đồng thu qua biên lai số 002929 ngày 15/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Châu và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, số IMEI1 355760/06205472/1, IMEI2: 355760/06/205473/9 của bị cáo Đặng Phú T.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Phú T phải bồi thường cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

Lừ Văn Th1: 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng)

Nguyễn Thị Th: 2.840.000đ (hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

Đào Văn Ph: 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Nguyễn Văn P: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Phùng Văn Đ: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Tổng số tiền Đặng Phú T phải bồi thường là 23.140.000 đồng.

Chấp nhận Nguyễn Ngọc S không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào.

Chấp nhận Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí làm lại giấy tờ bị mất (không thu hồi được).

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đặng Phú T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/12/2017).

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Bị cáo; bị hại ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà